

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Về việc thực hiện Dự toán Thu – chi ngân sách Quý III năm 2024

Thực hiện quyết định số 286 /QĐ - THPT TP ngày 04 tháng 11 năm 2024 của trường THPT Tân Phong;

Hôm nay, vào lúc 14h00 ngày 04 tháng 11 năm 2024, tại văn phòng trường THPT Tân Phong

I/ Thành phần tham dự :

- | | |
|------------------------|-----------------|
| - Ông Trần Công Bình | Hiệu trưởng |
| - Ông Huỳnh Khoa | Phó hiệu trưởng |
| - Bà Võ Thị Mộng Trinh | Phó Hiệu trưởng |
| - Ông Nguyễn Hoàng Duy | CTCĐ |
| - Bà Đặng Thị Thuý | Trưởng ban TTND |
| - Bà Dương Hồng Hi | Kế toán |

II/ Nội dung :

Tiến hành lập biên bản về việc công khai Về việc thực hiện Dự toán Thu – chi ngân sách Quý III năm 2024 của trường THPT Tân Phong như sau :

- Nội dung công khai : **Thực hiện Dự toán Thu – chi ngân sách Quý III năm 2024**
- Thời gian niêm yết: Từ ngày 04/11/2024 đến hết ngày 04/01/2025
- Địa điểm công khai : Bảng thông báo của trường, trang web
- Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về Hiệu trưởng trường THPT Tân Phong để được giải đáp.

Biên bản lập xong lúc 14h30 cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe và thống nhất ký tên.

Chủ tịch Công Đoàn

Nguyễn Hoàng Duy

Thanh tra nhân dân


Đặng Thị Thuý

Hiệu trưởng

Trần Công Bình

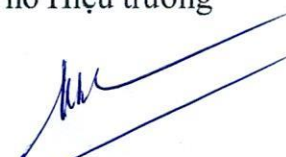
Kế toán

Phó Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng


Dương Hồng Hi


Võ Thị Mộng Trinh


Huỳnh Khoa

Đơn vị: Trường THPT Tân Phong
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý III năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.678.990.000	6.229.277.400	23,35	
I	Nguồn ngân sách trong nước	26.678.990.000	6.229.277.400	23,35	
1	Chi quản lý hành chính	26.110.870.000			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.825.300.000			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.285.570.000			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	568.120.000	6.229.277.400	1096,47	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.471.159.895		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	568.120.000	2.758.117.505	485,48	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chỉ quản lý hành chính				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 10 tháng 10 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Trần Công Bình